

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

“V/v tranh chấp Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Tiền

Bà Lương Thảo Vy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp PT, xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp KB, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Thị Minh Th trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông K quen biết, tự tìm hiểu nhau sau đó kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2014 tại UBND xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên cãi vã, ông K thường xuyên nhậu nhẹt không có thu nhập, vợ chồng ly thân từ ngày 25/12/2017 đến nay. Nay nhận thấy tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm vợ

chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn K.

Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Diễm M, sinh ngày 22/03/2014. Hiện cháu M đang sống với bà Th, ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Trần Văn K đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh Th, cho bà Th ly hôn với ông K. Ông bà có 01 con chung tên Trần Diễm M, sinh ngày 22/03/2014, giao cháu M cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K, địa chỉ cư trú của ông K thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh Th và ông Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà Th có đơn xin vắng mặt, ông K thì vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông K theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà Th và ông K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/04/2014 tại UBND xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát

sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông K.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông K vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định ông K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp KB, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa ông bà thì địa phương không rõ. Nhưng hiện tại bà Th và ông K không còn chung sống với nhau.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau và không còn chung sống cùng nhau. Nay bà Th yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và bà từ chối việc Tòa án tiếp tục hòa giải cũng như xin vắng mặt khi xét xử cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn, ông K thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn lại với nhau nhưng ông K vắng mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án, điều này chứng tỏ ông K không có thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà Th. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà Th với ông K là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Diễm M, sinh ngày 22/03/2014. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cũng như không đến Tòa án tham gia hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông K về việc nuôi con. Xét thấy, hiện cháu M đang sống cùng bà ngoại và bà Th, để đảm bảo việc ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu M muốn được tiếp tục sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu M cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Th không có yêu cầu.

[2.6] Bà Th và các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông K không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Minh Th ly hôn với ông Trần Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014, quyển số I/2014 cấp ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Minh Th và ông Trần Văn K không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Diễm M, sinh ngày 22/03/2014, cháu M đang sống cùng bà Th. Giao con chung là cháu M cho bà Th được tiếp tục nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Th và các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003722 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Trần Văn K không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Minh Th và ông Trần Văn K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đường sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hường